TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 –ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/**2026/DS-ST
Ngày 09-3-2026
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà

Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2026/QĐST-DS ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1).**

Trụ sở: Số H L, phường Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V (theo Văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025; Văn bản ủy quyền số 095388.07/2025/UQ- KHCN ngày 18/7/2025):

1/ Ông **Lê Văn T,** chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ V1

2/ Ông **Nguyễn Văn C,** chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ V1 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ngân hàng TMCP V chi nhánh Đ, tầng 4, số A P, phường H, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn T1,** sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ E, phường H, quận C, TP Đà Nẵng (nay là phường A, TP Đà Nẵng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các văn bản trình bày; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP V ông Nguyễn Văn C trình bày:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng TMCP V (V1 **)** tôi vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại đơn khởi kiện và Bản tự khai có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

Ông Trần Văn T1 vay vốn của V1 như sau:

- Theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 LD1929100675 ngày 16/10/2019 ngân hàng cho anh T1 vay:
- Số tiền cho vay: 83.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 37 tháng.
- Mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống
- Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là: 20%
- Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, ông Trần Văn T1 đã trả được tổng số tiền là: 54.522.446 đồng (Trong đó: trả nợ gốc số tiền là: 34.103.231 đồng; trả nợ lãi số tiền là: 20.419.215 đồng)

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, ông Trần Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 17/05/2021 nên ngân hàng chấm dứt hợp đồng và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, ông Trần Văn T1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ các khoản vay, tạm tính đến ngày 09/3/2026 của ông Trần Văn T1 tại V1 là:

- Nợ gốc : 48.896.769 đồng ;
- Nợ lãi : 71.522.052 đồng (lãi trong hạn 596.886 đồng; lãi quá hạn 70.925.166 đồng)
- **Tổng cộng : 120.418.821 đồng.**

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/7/2025 theo hợp đồng gồm: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/10/2019 là: 118.697.827 đồng (Một trăm mười tám triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, tám trăm hai mươi bảy đồng) Trong đó: nợ gốc khoản vay là 48.896.769 đồng; nợ lãi khoản vay tính đến ngày 18/7/2025 là 59.995.020 đồng và đề nghị ông T1 phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh theo đúng thỏa

thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông T1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm, ngân hàng đề nghị ông Trần Văn T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi được điều chỉnh đến ngày xét xử 09/3/2026 theo hợp đồng là Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 LD1929100675 ngày 16/10/2019 là 120.418.821 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm mười tám ngàn, tám trăm hai mươi mốt đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 48.896.769 đồng; tiền nợ lãi tính đến ngày 09/3/2026 là 71.522.052 đồng (lãi trong hạn 596.886 đồng; lãi quá hạn 70.925.166 đồng).

Và buộc ông Trần Văn T1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/3/2026 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

**Bị đơn ông Trần Văn T1 đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để ông T1 trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông T1 vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn ông Trần Văn T1

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông Trần Văn T1.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Trần Văn T1. Buộc ông Trần Văn T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc, nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 09/3/2026 tổng cộng là 120.418.821 đồng, trong đó: nợ gốc 48.896.769 đồng; nợ lãi tính đến ngày 09/3/2026 là 71.522.052 đồng (lãi trong hạn 596.886 đồng; lãi quá hạn 70.925.166 đồng) . Và buộc ông Trần Văn T1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/3/2026 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông T1 phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Văn T1 và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn T1.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP V (V1) khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 18/7/2025 theo hợp đồng gồm: Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 16/10/2019 là: 118.697.827 đồng (Một trăm mười tám triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, tám trăm hai mươi bảy đồng) Trong đó: nợ gốc khoản vay là 48.896.769 đồng; nợ lãi khoản vay tính đến ngày 18/7/2025 là 59.995.020 đồng và đề nghị ông T1 phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông T1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Trần Văn T1 phải thanh toán tính đến ngày xét xử 09/3/2026 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: nợ gốc 48.896.769 đồng; nợ lãi tính đến ngày 09/3/2026 là 71.522.052 đồng (lãi trong hạn 596.886 đồng; lãi quá hạn 70.925.166 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải thanh toán tính đến ngày xét xử 09/3/2026 là: 120.418.821 đồng (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm mười tám ngàn, tám trăm hai mươi mốt đồng).

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn T1 để triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T1 vẫn không đến Tòa án theo triệu tập do vậy ông T1 không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ông Trần Văn T1 và Ngân hàng TMCP V có ký hợp đồng tín dụng là Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán

và dịch vụ ngân hàng Đ1 LD1929100675 ngày 16/10/2019; được ngân hàng giải ngân cho ông T1 ngày 18/10/2019.

Theo đó số tiền cho vay là 83.000.000 đồng; Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống;Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 20%; Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên ông T1 đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là: 54.522.446 đồng (Trong đó: trả nợ gốc số tiền là: 34.103.231 đồng; trả nợ lãi số tiền là: 20.419.215 đồng)

Quá trình thực hiện Hợp đồng trên, ông Trần Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 17/05/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ, tuy nhiên, ông Trần Văn T1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ các khoản vay, tạm tính đến ngày 09/3/2026 của ông Trần Văn T1 tại V1 là:

- Nợ gốc : 48.896.769 đồng ;
- Nợ lãi : 71.522.052 đồng (lãi trong hạn 596.886 đồng; lãi quá hạn 70.925.166 đồng).
- **Tổng cộng : 120.418.821 đồng.**

Sau thời gian sử dụng thẻ, ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ) sang nợ quá hạn

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông T1, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do ông Trần Văn T1 vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên Ngân hàng TMCP V chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu ông T1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử 09/3/2026 là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP V khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Trần Văn T1 phải thanh toán tính đến ngày xét xử 09/3/2026 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: nợ gốc 48.896.769 đồng; nợ lãi tính đến ngày 09/3/2026 là 71.522.052 đồng (lãi trong hạn 596.886 đồng; lãi quá hạn 70.925.166 đồng). Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu

ông T1 phải thanh toán theo hợp đồng là Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 LD1929100675 ngày 16/10/2019 là: 120.418.821 đồng.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc ông Trần Văn T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 09/3/2026 là **120.418.821** đồng (trong đó nợ gốc 48.896.769 đồng; nợ lãi tính đến ngày 09/3/2026 là 71.522.052 đồng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày 10/3/2026, ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 LD1929100675 ngày 16/10/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa ông Trần Văn T1 với Ngân hàng TMCP V cho đến khi ông T1 thanh toán xong khoản nợ.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Văn T1 phải chịu là 6.020.941 đồng (Sáu triệu, không trăm hai mươi ngàn, chín trăm bốn mươi mốt đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 2.967.445 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) cho Ngân hàng TMCP V

[2.6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng đề nghị: Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Trần Văn T1. Buộc ông Trần Văn T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc, nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 09/3/2026 tổng cộng là 120.418.821 đồng, trong đó: nợ gốc 48.896.769 đồng; nợ lãi tính đến ngày 09/3/2026 là 71.522.052 đồng (lãi trong hạn 596.886 đồng; lãi quá hạn 70.925.166 đồng). Và buộc ông Trần Văn T1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/3/2026 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông T1 phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428,429,463,466,468,470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Trần Văn T1 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

- Buộc ông Trần Văn T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 09/3/2026 tổng cộng là **120.418.821 đồng** (Một trăm hai mươi triệu, bốn trăm mười tám ngàn, tám trăm hai mươi mốt đồng). Trong đó nợ gốc là **48.896.769** đồng; nợ lãi tính đến ngày 09/3/2026 là **71.522.052** đồng (lãi trong hạn 596.886 đồng; lãi quá hạn 70.925.166 đồng).

Kể từ ngày 10/3/2026, ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ1 LD1929100675 ngày 16/10/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa ông Trần Văn T1 với Ngân hàng TMCP V cho đến khi ông T1 thanh toán xong khoản nợ.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Ông Trần Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.020.941 đồng (Sáu triệu, không trăm hai mươi ngàn, chín trăm bốn mươi mốt đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 2.967.445 đồng (Hai triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, bốn trăm bốn mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số 00003260 ngày 09/10/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Ngân hàng TMCP V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Trần Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**